

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2020/HS-PT

Ngày: 17 – 6 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thế Phương;

*Các thẩm phán:* Ông Phạm Thành Dương;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐN, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 370/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019, đối với các bị cáo Bồ Thị T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 418/2019/HSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

***Các bị cáo có kháng cáo:***

1. **Bồ Thị T** (tên gọi khác: Hai T), sinh năm: 1953 tại Bình Dương; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: K2/89B, khu phố 1, phường BH1, TP. BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: K2/89B, khu phố 1, phường BH1, TP. BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; con ông Bồ Văn T, sinh năm: không rõ (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: không rõ (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1951; có 07 con, con lớn nhất sinh năm: 1973, con nhỏ nhất sinh năm: 1990; tiền án: không; tiền sự: ngày 09/4/2018 bị Ủy ban nhân dân phường BH1, TP. BH xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Che giấu việc đánh bạc trái phép”; bị bắt tạm giữ ngày 11 tháng 7 năm 2018, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 20 tháng 7 năm 2018;

2. **Mai Trần Nguyễn K**, sinh năm: 1976 tại ĐN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 132, ấp 4, xã Tân Hạnh, TP. BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: 132, ấp 4, xã Tân Hạnh, TP. BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: nhân viên bảo hiểm; trình độ học vấn: 12/12; con ông Mai Văn V, sinh năm: 1947 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1949; có vợ là Nguyễn Thị Hà V, sinh năm: 1980 (đã ly hôn); chưa có

con; tiền án, tiền sự: không; hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

3. **Lê Trường K2** (tên gọi khác: Bé Bu); sinh năm: 1979 tại ĐN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 63/13, tổ 18, ấp An Hòa, xã HA, TP. BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: 63/13, tổ 18, ấp An Hòa, xã HA, TP. BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: thợ hàn; trình độ học vấn: 03/12; con ông Lê Văn B, sinh năm: 1948 và bà Ngô Thị U, sinh năm: không rõ (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1979; có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2000, con nhỏ nhất sinh năm: 2011; tiền án: ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân TP. BH, tỉnh ĐN xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 7 năm 2018, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” ngày 16 tháng 8 năm 2018;

4. **Huỳnh Thị Ngọc T1**, sinh năm: 1982 tại ĐN; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: K1/46A, ấp Tân Bình, phường BH1, TP. BH, tỉnh ĐN; chỗ ở hiện nay: K1/46A, ấp Tân Bình, phường BH1, TP. BH, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1955 và bà Lê Thị M, sinh năm: 1955 (đã chết); có chồng là Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1981 (đã ly hôn); có 04 con, con lớn nhất sinh năm: 2004, con nhỏ nhất sinh năm: 2006; tiền án: không; tiền sự: ngày 05/4/2018 bị Công an TP. BH xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

*Trong vụ án này còn có các bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

#### **1. Nội dung chính của vụ án:**

Vào khoảng 13 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại lò gạch bỏ hoang thuộc ấp Bình Hóa, xã HA, TP. BH do Mai Trần Nguyễn K quản lý; K đã đồng ý cho Bò Thị T thuê địa điểm nêu trên để tổ chức cho Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1, Đặng Thị H2, Trần Ngọc H3, Trần Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Thanh Ng, Lâm Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kiều M, Hùng Trà A, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Xuân B đánh bạc trực tiếp thắng thua bằng tiền với hình thức “Cào cái” để T thu tiền xâu.

Cách thức như sau: mỗi ván bài người chơi phải đặt cược trước vào tụ của mình; sau đó, người cầm cái dùng bộ bài tây 52 lá chia đều cho mỗi tụ 03 lá bài để tính điểm xác định thắng thua. Khi lật bài lên, người cầm cái sẽ lấy bài của mình đối ch2với từng tụ, nếu bài của người cầm cái lớn hơn bài của tụ nào thì người cầm cái sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược của tụ đó và ngược lại; nếu bài của người cầm cái và bài của tụ nào bằng điểm nhau thì không thắng, không

thua. Một người có thể đặt cược nhiều tụ hoặc nhiều người có thể đặt cược chung một tụ.

Trong lúc Lê Trường K2 cầm cái, T cung cấp bài và thỏa thuận cứ chơi 10 ván thì T sẽ thu của K2 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền xâu. K2 quy định mỗi ván đặt tiền cược cho mỗi tụ ít nhất là 20.000đ (hai mươi nghìn đồng), cao nhất là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). K2 sẽ là người trực tiếp cầm cái, T ngồi ngoài theo dõi và thu tiền xâu.

Cụ thể:

- Lê Trường K2 mang theo và sử dụng 2.300.000đ (hai triệu, ba trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình cầm cái K2 thua 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Huỳnh Thị Ngọc T1 mang theo và sử dụng 405.000đ (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T1 thắng được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), sau đó đã trả nợ cho Hùng Trà A và một người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ) hết 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), còn lại 5.000đ (năm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Lâm Thị Kim Y mang theo 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc Y thua hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn 4.300.000đ (bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Nguyễn Thị L mang theo 2.000.000đ (hai triệu đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc L thắng được 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của Lý 2.050.000đ (hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Kiều M mang theo và sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc M thua 100.000đ (một trăm nghìn đồng), còn lại 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Hùng Trà A mang theo 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc A thua 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của A 5.100.000đ (năm triệu, một trăm nghìn đồng).

- Đặng Thị H2 mang theo 3.250.000đ (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc H2 không thắng, không thua; khi phát hiện, bắt quả tang H2 vứt xuống cH2bạc 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của H 23.200.000đ (ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

- Trần Thị Thanh T3 mang theo 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T3

thắng được 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đang để dưới chiếu bạc; khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của T3600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Thanh N mang theo và sử dụng 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc N thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của N 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Xuân B mang theo 4.099.000đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc B thắng được 200.000đ (một trăm nghìn đồng) và đang để dưới chiếu bạc; khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của Bình 4.099.000đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Trần Ngọc H mang theo và sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc H thua hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1, Đặng Thị H, Trần Ngọc H, Trần Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Lâm Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kiều M, Hùng Trà A, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Xuân B đánh bạc đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an TP. BH phát hiện, bắt quả tang; thu giữ tổng số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc là 9.455.000đ (chín triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng), đồng thời xác định Bồ Thị T đã thu được 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền xâu.

Vật chứng, tài sản được thu giữ trong vụ án:

+ 01 (một) bộ bài tây 52 lá và 9.455.000đ (chín triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) là công cụ và tiền được sử dụng vào việc đánh bạc.

+ 1.100.000đ (một triệu, một trăm nghìn đồng) của Bồ Thị T.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, model 1202 của Huỳnh Thị Ngọc T1.

Tài sản được thu giữ không liên quan đến việc thực hiện tội phạm đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar có số Imeil: 352221027310784 và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Trần Thị Thanh Tuyền.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imeil: 357318087132606 của Nguyễn Thị Thanh Nga.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imeil: 357780/06/612383/3 của Nguyễn Thị Kiều Mai.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng có số Imeil: 354450066346882 và 5.000.000đ (năm triệu đồng) của Hùng Trà Anh.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imeil: 353709079740782 và 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) của Nguyễn Thị Lý.

+ 4.300.000đ (bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) của Lâm Thị Kim Yến.

+ 3.200.000đ (ba triệu, hai trăm nghìn đồng) của Đặng Thị Hiếu.

+ 3.599.000đ (ba triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) của Nguyễn Thị Xuân Bình.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng, model: A1332 và 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) của Trần Thị Phụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu trắng có số Imeil: 862651038558794 và 3.150.000đ (ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) của Nguyễn Thị Ngọc Tiên.

Trong quá trình điều tra, Bồ Thị T còn khai nhận đã tổ chức cho một số người đánh bạc trong 07 ngày nhưng không xác định được số người, số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc và T thu được 2.100.000đ (hai triệu, một trăm nghìn đồng) tiền xâu. T cũng đã trả cho Mai Trần Nguyễn Khánh 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền thuê địa điểm.

## *2. Quyết định của cấp sơ thẩm:*

Tại Bản án số: 418/2019/HS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã quyết định như sau:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bồ Thị T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án nhưng được trừ đi 10 (mười) ngày đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 11 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018).

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Mai Trần Nguyễn K 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Trường K2 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án nhưng được trừ đi 01 (một) tháng 05 (năm) ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 11 tháng 7 đến ngày 16 tháng 8 năm 2018).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Huỳnh Thị Ngọc T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

## *3. Kháng cáo:*

Ngày 24/9/2019 bị cáo Bồ Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 18/9/2019 bị cáo Mai Trần Nguyễn K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 18/9/2019 bị cáo Lê Trường K2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 22/9/2019 bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

*4. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tại phiên tòa phúc thẩm:*

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở và phù hợp; Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xác định rõ ràng, mức hình phạt đối với từng bị cáo trong quyết định của cấp sơ thẩm là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1 có cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương thì hiện tại bị cáo là lao động chính, bị cáo đã ly hôn phải nuôi 04 con còn nhỏ, đang đi làm công nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Bò Thị T, Mai Trần Nguyễn K, Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1 làm trong hạn luật nên được chấp nhận theo trình tự phúc thẩm.

Bị cáo Mai Trần Nguyễn K có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với mô tả và nhận định trong bản án của cấp sơ thẩm.

Vào khoảng 13 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại lò gạch bỏ hoang thuộc ấp Bình Hóa, xã HA, TP. BH do Mai Trần Nguyễn K quản lý; K đã đồng ý cho Bò Thị T thuê địa điểm nêu trên để tổ chức cho Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1, Đặng Thị H, Trần Ngọc H, Trần Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Lâm Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kiều M, Hùng Trà A, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Xuân B đánh bạc trực tiếp thắng thua bằng tiền với hình thức “Cào cái” để T thâm tiền sâu.

Cách thức như sau: mỗi ván bài người chơi phải đặt cược trước vào tụ của mình; sau đó, người cầm cái dùng bộ bài tây 52 lá chia đều cho mỗi tụ 03 lá bài để tính điểm xác định thắng thua. Khi lật bài lên, người cầm cái sẽ lấy bài của mình đối chiếu với từng tụ, nếu bài của người cầm cái lớn hơn bài của tụ nào thì người cầm cái sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược của tụ đó và ngược lại; nếu bài của người cầm cái và bài của tụ nào bằng điểm nhau thì không thắng, không thua. Một người có thể đặt cược nhiều tụ hoặc nhiều người có thể đặt cược chung một tụ.

Trong lúc Lê Trường K2 cầm cái, T cung cấp bài và thỏa thuận cứ chơi 10 ván thì T sẽ thu của K2 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) tiền sâu. K2 quy định mỗi ván đặt tiền cược cho mỗi tụ ít nhất là 20.000đ (hai mươi nghìn đồng), cao nhất là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). K2 sẽ là người trực tiếp cầm cái, T ngồi ngoài theo dõi và thu tiền sâu.

Cụ thể:

- Lê Trường K2 mang theo và sử dụng 2.300.000đ (hai triệu, ba trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình cầm cái K2 thua 2.000.000đ (hai triệu đồng), còn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Huỳnh Thị Ngọc T1 mang theo và sử dụng 405.000đ (bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T1 thắng được 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), sau đó đã trả nợ cho Hùng Trà A và một người tên Đ (không rõ họ tên, địa chỉ) hết 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), còn lại 5.000đ (năm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Lâm Thị Kim Y mang theo 4.800.000đ (bốn triệu, tám trăm nghìn đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc Y thua hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), còn 4.300.000đ (bốn triệu, ba trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Nguyễn Thị L mang theo 2.000.000đ (hai triệu đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc L thắng được 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của Lý 2.050.000đ (hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Kiều M mang theo và sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc M thua 100.000đ (một trăm nghìn đồng), còn lại 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) để trong người bị thu giữ khi bị phát hiện, bắt quả tang.

- Hùng Trà A mang theo 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc A thua 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của A 5.100.000đ (năm triệu, một trăm nghìn đồng).

- Đặng Thị H2 mang theo 3.250.000đ (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc H2 không thắng, không thua; khi phát hiện, bắt quả tang H2 vứt xuống chiếu bạc 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), thu giữ trên người của H 23.200.000đ (ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

- Trần Thị Thanh T3 mang theo 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T3 thắng được 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đang để dưới chiếu bạc; khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của T3 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Thanh N mang theo và sử dụng 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc N thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của N 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Nguyễn Thị Xuân B mang theo 4.099.000đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng), sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc B thắng được 200.000đ (một trăm nghìn đồng) và đang để dưới chiếu bạc; khi bị phát hiện, bắt quả tang thì thu giữ trên người của B 4.099.000đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Trần Ngọc H mang theo và sử dụng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc H thua hết 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1, Đặng Thị H, Trần Ngọc H, Trần Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh N, Lâm Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kiều M, Hùng Trà A, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Xuân B đánh bạc đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an TP. BH phát hiện, bắt quả tang; thu giữ tổng số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc là 9.455.000đ (chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng), đồng thời xác định Bò Thị T đã thu được 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền xâu.

Các bị cáo Bò Thị T, Mai Trần Nguyễn K, Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ kháng cáo xin xem xét được giảm nhẹ hình phạt. Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bò Thị T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322; bị cáo Mai Trần Nguyễn K về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 và bị cáo Lê Trường K2, Huỳnh Thị Ngọc T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Xét kháng cáo của bị cáo Bò Thị T: Bị cáo là người đã có hành vi chuẩn bị địa điểm và tổ chức cho 12 người thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc là 9.455.000đ (chín triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Bản thân bị cáo T cũng đã có 01 tiền sự liên quan đến hành vi đánh bạc. Cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Xét kháng cáo của bị cáo Mai Trần Nguyễn K: Hành vi phạm tội của bị cáo K thực hiện với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn, cho thuê địa điểm để các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc. Cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Xét kháng cáo của bị cáo Lê Trường K2: Bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, trong khi bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích nên bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”. Cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo 08 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình



tiết nào mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1: Bị cáo có tiền sự về hành vi đánh bạc, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp được các tình tiết là vợ chồng bị cáo đã ly hôn năm 2015, giao con cho chồng và vợ cùng nuôi nhưng hiện tại chồng đã lập gia đình khác, 04 con còn nhỏ hiện tại phải do một mình bị cáo nuôi dưỡng, bị cáo đang làm công nhân theo hợp đồng lao động với Công ty Taekwang để có thu nhập nuôi các con, bị cáo là lao động chính (Tình tiết này được chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân phường BH1 xác nhận). Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết mới bị cáo cung cấp, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng là đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí: Các bị cáo Bồ Thị T, Mai Trần Nguyễn K, Lê Trường K2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Xét quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần, nên chấp nhận phần phù hợp. Phần không phù hợp, không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bồ Thị T, Mai Trần Nguyễn K, Lê Trường K2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Quyết định hình phạt:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bồ Thị T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án nhưng được trừ đi 10 (mười) ngày đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 11 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018).

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Mai Trần Nguyễn K 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Lê Trường K2 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt để thi hành án nhưng được trừ đi 01 (một) tháng 05 (năm)

ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 11 tháng 7 đến ngày 16 tháng 8 năm 2018).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Huỳnh Thị Ngọc T1 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Bồ Thị T, Mai Trần Nguyễn K, Lê Trường K2 phải nộp 200.000 án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Huỳnh Thị Ngọc T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. BH;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. BH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - TP. BH;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. BH;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. BH;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an tỉnh ĐN;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐN;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thế Phương**